

Số: 464/2023/QĐST-HNGĐ

C, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 430/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Huỳnh Khánh D**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

- Bà **Phan Thị Mỹ D1**, sinh năm 1999; Địa chỉ: **Tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông **Huỳnh Khánh D** và bà **Phan Thị Mỹ D1** kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký tại **UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (số D ngày 17/01/2020)**. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại **tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Nay, ông **D** và bà **D1** không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông **D** và bà **D1** được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **D** và bà **D1** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly

hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Khánh D và bà Phan Thị Mỹ D1 là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Khánh D và bà Phan Thị Mỹ D1 xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Khánh N, sinh ngày 16/6/2019. Ly hôn, ông Huỳnh Khánh D và bà Phan Thị Mỹ D1 thống nhất thỏa thuận ông Huỳnh Khánh D nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Khánh N cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Mỹ D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2024.

Ông D và bà D1 tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông D và bà D1 xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông D và bà D1 xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Khánh D và bà Phan Thị Mỹ D1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Huỳnh Khánh D nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Khánh N, sinh ngày 16/6/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Mỹ D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2024.

Kể từ ngày ông Huỳnh Khánh D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phan Thị Mỹ D1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng bà Phan Thị Mỹ D1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông D và bà D1 xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông D và bà D1 xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Huỳnh Khánh D và bà Phan Thị Mỹ D1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0002781 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

THẨM PHÁN

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục T;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. **Nguyễn Thị L Hằng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 351/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 14 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Hồ Anh Q**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc N1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông **Hồ Anh Q** và bà **Nguyễn Thị Ngọc N1** kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký tại **UBND phường T, Đ, tỉnh Bình Phước** (số 104/2011 quyền số 01/2011 ngày 26/7/2011). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại **tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã. Nay, ông Q không còn tình cảm với bà N1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q và bà N1 được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông Q và bà N1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Anh Q và bà Nguyễn Thị Ngọc N1 là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Hồ Anh Q và bà Nguyễn Thị Ngọc N1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hồ Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/4/2012 và Hồ Nguyễn Thiên phúc, sinh ngày 02/5/2016. Ly hôn, ông Q và bà N1 thống nhất thỏa thuận ông Hồ A Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Anh M, bà Nguyễn Thị Ngọc N1 nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Thiên P cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Hồ Anh Q cấp dưỡng nuôi con Hồ Nguyễn Thiên P mỗi tháng 4.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ 12/2021 và vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Q và bà N1 tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông Q và bà N1.

[3] Về tài sản chung: Ông Q và bà N1 xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông Q và bà N1 xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Anh Q và bà Nguyễn Thị Ngọc N1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Hồ A Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/4/2012, bà Nguyễn Thị Ngọc N1 nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 02/5/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Hồ Anh Q cấp dưỡng nuôi con Hồ Nguyễn Thiên P1 mỗi tháng 4.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ 12/2021 và vào ngày 10 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông **Q** và bà **N1** xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông **Q** và bà **N1** xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Hồ Anh Q** và bà **Nguyễn Thị Ngọc N1** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001596 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

THẨM PHÁN

- VKSND Q. Cẩm Lệ;

- **Chi cục T;**

- **UBND phường T;**

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Thu Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ -TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 13 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Quang M1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

- Bà **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Tổ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông **Lê Quang M1** và bà **Nguyễn Thị Hoài T** kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký tại **UBND phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng** (số 22/2012 quyền số 01/2012 ngày 27/02/2012). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại **tổ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã. Nay, ông **M1** không còn tình cảm với bà **T** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông **M1** và bà **T** được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **M1** và bà **T** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Lê Quang M1** và bà **Nguyễn Thị Hoài T** là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Về quan hệ con chung:* Ông **Lê Quang M1** và bà **Nguyễn Thị Hoài T** xác nhận vợ chồng có 02 con chung là **Lê Minh T1**, sinh ngày 26/9/2012 và **Lê Bảo Khánh N2**, sinh ngày 08/7/2018. Tại phiên hòa giải ngày 18/11/2021, ông **M1** và bà **T** thống nhất thỏa thuận ông **Lê Quang M1** nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Lê Bảo Khánh N2**, bà **Nguyễn Thị Hoài T** nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Lê Minh T1** cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

Ông **M1** và bà **T** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông M1 và bà T xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông M1 và bà T xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang M1 và bà Nguyễn Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Minh T1, sinh ngày 26/9/2012, ông Lê Quang M1 nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo Khánh N2, sinh ngày 08/7/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.p

- Về quan hệ tài sản chung: Ông M1 và bà T xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông M1 và bà T xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê Quang M1 và bà Nguyễn Thị Hoài T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001576 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

THẨM PHÁN

- VKSND Q. Cẩm Lệ;

- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;

- UBND phường Hòa Khê;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Thu Trang

